

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/- Bà Huỳnh Ngọc Tím;*

*2/- Bà Vũ Anh Đào.*

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Cảnh – *Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.*

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liễu – *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*1/- Nguyên đơn:* Anh Trang Vĩnh T, sinh năm 1995;

*Địa chỉ:* Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*2/- Bị đơn:* Chị Mai Thị Tuyết N, sinh năm 1996.

*Địa chỉ:* Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Anh T và chị N vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trang Vĩnh T trình bày:

Vợ chồng anh có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 06/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 do chị N không lo làm nuôi con mà còn ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ Nều người làm cho cha, mẹ của anh phải trả nợ thay Nều lần, vợ chồng tranh cãi nhau Nều làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh có khuyên can nhưng chị N không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân nhau từ gần một năm nay. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Giữa anh và chị N có 01 con chung tên Trang Gia H sinh ngày 26/4/2018, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn chị Mai Thị Tuyết N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

\*Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Trang Vĩnh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn chị Mai Thị Tuyết N vắng mặt không lý do.
- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Anh Trang Vĩnh T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Chị Mai Thị Tuyết N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

#### **[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Anh Trang Vĩnh T đã giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã xã Mỹ Phước Tây nên Hội đồng xét xử xác định giữa anh Trang Vĩnh T và chị Mai Thị Tuyết N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, anh T xác định giữa anh và chị N phát sinh Nền mâu thuẫn do chị N cờ bạc gây nờ Nền làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh và chị N đã ly thân gần 01 năm nay không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Chị Mai Thị Tuyết N không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của anh T, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị N không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với anh T và lời trình bày của anh T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

#### **[3]. Về con chung:**

- Anh T yêu cầu giao 01 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung của anh T và chị N dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên yêu cầu nuôi con của anh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị N không có văn bản yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

#### **[4]. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.**

#### **[5]. Về án phí:**

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **\* Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Xử:**

1. Chấp nhận cho anh Trang Vĩnh T được ly hôn với chị Mai Thị Tuyết N.

2. Con chung:

Giao 01 con chung tên Trang Gia H sinh ngày 26/4/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0733 ngày 29/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên anh T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh T và chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: T, N;
- UBND xã Mỹ Phước Tây, TX Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Ánh Tuyết**